TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ H1 CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST
Ngày: 25-3-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ H1 CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần H1 đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các H1 thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tấn Thọ.

2. Ông Trần Văn Tính.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Thành trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 342/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Vinh H1, xã Vang Quới T1, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Huỳnh Thị C, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Vinh Đ, xã Vang Quới T1, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

Nguyễn Văn C1, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vinh Đ, xã Vang Quới T1, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 06 tháng 7 năm 2020, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, bà Huỳnh Thị C có làm chủ hụi và bà H là hụi viên, có tham gia hai dây hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, khui ngày 10/01/2017 (Âm lịch), dây hụi gồm 35 phần và có 34 hụi viên, bà H tham gia 02 phần, hụi mỗi tháng khui một lần vào ngày mùng 10 âm lịch hàng tháng. Sau khi khui hụi xong, bà H đóng hụi đầy đủ, dây hụi này khui được 25 lần. Đến ngày 10/01/2019, bà C chấm dứt không khui hụi nữa. Số tiền mà bà H đóng hụi là 50.000.000 đồng (Tương đương với 25 kỳ khui hụi). Dây hụi này, bà C còn thiếu 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau đó, bên bị đơn Huỳnh Thị C đã trả được 11.000.000 đồng, số tiền còn thiếu lại là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

Dây hụi thứ hai: Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, khui ngày 17/02/2017 (Âm lịch), dây hụi gồm 35 phần và có 34 hụi viên, bà H tham gia 02 phần, hụi mỗi tháng khui một lần vào ngày 17 âm lịch hàng tháng. Sau khi khui hụi xong bà H đóng hụi cho bà C đầy đủ, dây hụi này khu được 14 lần. Đến ngày 17/01/2019 âm lịch, bà C chấm dứt không khui hụi nữa. Số tiền bà H đóng hụi là 28.000.000 đồng (Tương đương với 14 kỳ khui hụi). Dây hụi này bà C còn thiếu 28.000.000 đồng. Sau đó, bên bị đơn Huỳnh Thị C đã trả 14.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu lại là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng hai dây hụi nói trên bà Huỳnh Thị C còn thiếu lại bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng).

Tại phiên Tòa sơ thẩm, bà H có yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. cụ thể bà H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C1 phải liên đới hoàn trả cho bà H số tiền hụi còn thiếu là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng), đồng thời không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2020, những lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Huỳnh Thị C trình bày:

Bà C thống nhất hoàn toàn với lời trình bày bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà C còn nợ bà H số tiền hụi là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng). Tuy nhiên, hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn, bà yêu cầu trả dần, cụ thể năm đầu tiên, bà trả mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), đến năm thứ hai trả mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và

quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. H1 đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị H1 đồng xét xử áp dụng các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường.

Buộc bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền hụi còn thiếu là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Tuyết H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, H1 đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tung: Ông Nguyễn Văn C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà ông C1 vắng mặt không có lý do cho nên xét xử vắng mặt ông C1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, H1 đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, bà Huỳnh Thị C có làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị Tuyết H là hụi viên. Bà H có tham gia hai dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, khui ngày 10/01/2017 (Âm lịch), dây hụi gồm 35 phần và có 34 hụi viên, bà H tham gia 02 phần, hụi mỗi tháng khui một lần vào ngày mùng 10 âm lịch hàng tháng. Sau khi khui hụi xong, bà H đóng hụi đầy đủ, dây hụi này khui được 25 lần thì chấm dứt không tiến hành khui hụi nữa. Sau đó, bên bà Huỳnh Thị C hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H 11.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu lại là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

Dây hụi thứ hai: Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, khui ngày 17/02/2017 (Âm lịch), dây hụi gồm 35 phần và có 34 hụi viên, bà H tham gia 02 phần, hụi mỗi tháng

khui một lần vào ngày 17 âm lịch hàng tháng. Sau khi khui hụi xong, bà H đóng hụi đầy đủ, dây hụi này khu được 14 lần. Đến ngày 17/01/2019 âm lịch, bà C chấm dứt không khui hụi nữa. Sau đó, bà C hoàn trả cho bà H số tiền 14.000.000 đồng, số tiền còn thiếu lại là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Tổng cộng hai dây hụi bà Huỳnh Thị C còn nợ bà Nguyễn Thị Tuyết H với số tiền là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng). H1 đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Tuyết H có tham gia chơi hụi do bà Huỳnh Thị C làm chủ. Sau khi khui hụi bà H đã thực hiện nghĩa vụ của người hụi viên, đóng hụi đầy đủ. Tuy nhiên, hụi chưa mãng, bên bà Huỳnh Thị C đã chấm dứt không tiếp tục khui hụi, đồng thời không hoàn trả lại tiền hụi mà bên bà H đã đóng là vi phạm quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường. Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, bên bị đơn Huỳnh Thị C thừa nhận còn thiếu bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền hụi 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết H là có cơ sở nên được H1 đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại Công văn số 530/UBND-TP ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã Vang Quới T1, huyện BĐ xác nhận "Qua trích lục sổ bộ kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới T1 không có tên đương sự Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C1 đăng ký kết hôn". Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa bà Huỳnh Thị C trình bày bà và ông C1 tự nguyện C sống với nhau vào năm 1980, đây là hôn nhân thực tế theo Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc H1. Việc bà C làm chủ hụi nhằm phát triển kinh tế gia đình và ông C1 cũng biết, đồng thời không ngăn cản. Do đó, ông C1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà C là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Việc bà Huỳnh Thị C cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn và yêu cầu trả dần, H1 đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[5] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H1 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H1 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H đối với bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C1 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền hụi còn thiếu là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Tuyết H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 1.525.000 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001992 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết H, bị đơn Huỳnh Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. H1 ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi